

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2024/HS-ST**
Ngày: 27-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Nhuận.

Bà Đỗ Thị Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn S, sinh ngày 04/3/1986, tại xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Lào; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn B, sinh năm 1965 và bà Lò Thị N, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1989 và có 02 người con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/7/2024, tạm giam từ ngày 15/7/2024 tại trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Có mặt.

2. Nạ Văn H1, sinh ngày 05/4/1999, tại xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Cống; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nạ Văn P, sinh năm 1979 và bà Nạ Thị T, sinh năm 1979; bị cáo có vợ là Quảng Thị B1, sinh năm 1997 và có 02 người con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/7/2024, tạm giam từ ngày 15/7/2024 tại trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Có mặt.

3. Lò Văn N1, sinh ngày 05/6/1972, tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Lào; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn L (Đã chết) và bà Lò Thị P1, sinh năm 1959; bị cáo có vợ là Nạ Thị P2, sinh năm 1985 và có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/7/2024, tạm giam từ ngày 15/7/2024 tại trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lò Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Chị Quàng Thị B1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3. Chị Nạ Thị P2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

4. Ông Nạ Văn P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu tìm việc làm, từ khoảng đầu tháng 02/2023 đến khoảng tháng 01/2024, Tòng Thị T1 (sinh năm 2007, trú tại bản Hong Lục, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên), Lương Thị D (sinh năm 2005, trú tại bản N, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái), Mè Thị M (sinh năm 1999, trú tại thôn C, bản Lọng, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái), Vì Thị Q (sinh năm 1997, trú tại thôn C, bản Lọng, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái), Trần Thị Tú N2 (sinh năm 1994, trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang), đã liên hệ trực tiếp và qua Facebook với một số đối tượng không biết tên và địa chỉ để xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Myanmar và Lào mục đích tìm việc làm. Sau một thời gian thấy công việc không ổn định, từ ngày 08/7/2024 đến ngày 10/7/2024, Tòng Thị T1, Lương Thị D, Mè Thị M, Vì Thị Q, Trần Thị Tú N2 thuê một người đàn ông nước Lào không biết tên, địa chỉ dẫn về đến khu vực biên giới Lào – Việt Nam để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 09/7/2024, Lò Văn S sang Lào trao đổi mua bán hàng tạp hóa, không làm thủ tục xuất cảnh. S ngủ nhờ ở nhà của người dân thuộc huyện M, tỉnh Phong Sa Lý, Lào. Đến trưa ngày 10/7/2024, trên đường về Việt Nam, S vào lán nương thuộc huyện M, tỉnh Phong Sa Lý, Lào của một người nam giới khoảng 40 tuổi, tên gọi là Thạo É xin cơm ăn, tại lán nương của Thạo É có 02 người nữ giới ngồi ăn cơm cùng. Thạo É thỏa thuận thuê S đến và chở 02 người phụ nữ nhập cảnh trái phép từ khu vực biên giới Việt Nam - Lào thuộc bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên về trung tâm xã P, huyện Đ, tỉnh

Điện Biên, thuộc Việt Nam và bắt xe taxi cho 02 người phụ nữ đi về khu vực chợ bản Phủ, xong việc Thào É sẽ trả tiền công 500.000 đồng tiền Việt N3 người. Khoảng 15 giờ ngày 09/7/2024 Tòng Thị T1, Trần Thị Tú N2, Mè Thị M, Lường Thị D, Vì Thị Q được 02 người đàn ông nước Lào chia thành 02 nhóm và dẫn lối qua sông vượt biên trái phép sang đất Việt Nam và đến ở một ngôi nhà tre cách bờ sông khoảng 400m, chờ người đến đón, đưa về trung tâm xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để tiếp tục tìm đường về nhà.

Thỏa thuận với Thào É xong, S quay về Việt Nam và đến nhà của Nạ Văn H1 ở bản H, xã P rủ H cùng chở người nhập cảnh trái phép từ khu vực biên giới Việt Nam - Lào thuộc bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên về Trung tâm xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, tiền công 500.000 đồng/01 người. Sau đó, S và H1 mỗi người điều khiển một xe máy đến điểm hẹn gặp Thào É cùng với 05 người nữ giới đang đứng ở trong một ngôi nhà tre ở đầu dốc thuộc bản H, xã P, huyện Đ. Do chỉ có 02 xe máy không chở hết 05 người, H1 quay về nhà rủ anh trai của H1 nhưng anh trai say rượu, H1 quay lại chỗ Lò Văn S và 05 người nữ giới. Ngay lúc đó có Lò Văn N1 đi xem bò về qua, S rủ Lò Văn N1 cùng chở 01 người nhập cảnh trái phép về trung tâm xã P, tiền công 500.000 đồng tiền Việt Nam/01 người, N1 đồng ý. Sau đó, S chở 02 người là Tòng Thị T1, Lường Thị D tiền công 1.000.000 đồng tiền Việt Nam; H1 chở 2 người là Mè Thị M, Vì Thị Q, tiền công 1.000.000 đồng tiền Việt Nam; N1 chở 01 người là Trần Thị Tú N2, tiền công 500.000 đồng tiền Việt Nam đi về trung tâm xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 10/7/2024, đi đến khu vực bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Đoàn biên phòng P3 phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện bắt quả tang.

Tại Bản Cáo trạng số 84/CT-VKSĐB-P1 ngày 15/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Lò Văn S, Nạ Văn H1, Lò Văn N1 về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Lò Văn S, Nạ Văn H1, Lò Văn N1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51, **Điều 17, Điều 58, Điều 38** Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo:

+ Tuyên phạt bị cáo Lò Văn S mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51, **Điều 17, Điều 58, Điều 38** Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo:

+ Tuyên phạt bị cáo Nạ Văn H1 mức án 12 đến 15 tháng tù.

+ Tuyên phạt bị cáo Lò Văn N1 mức án 12 đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Lò Văn S, Nạ Văn H1, Lò Văn N1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lò Văn S, Nạ Văn H1, Lò Văn N1 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội của kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị H, ông Nạ Văn P, chị Quàng Thị B1, chị Nạ Thị P2 đều trình bày 03 chiếc xe máy mà 03 bị cáo lấy đi sử dụng để chở người nhập cảnh trái phép đều là tài sản chung của vợ chồng, nguồn gốc chiếc xe được mua bằng tiền tiết kiệm do bán thóc, khoai sắn... của vợ chồng các bị cáo, khi các bị cáo lấy đi thì không nói cho các chị biết. Các chị Lò Thị H, chị Nạ Thị P2, chị Quàng Thị B1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại những chiếc xe máy đã bị thu giữ cho các chị vì đây là tài sản có giá trị duy nhất của gia đình (gia đình các bị cáo đều là những hộ nghèo, cận nghèo) để các chị sử dụng làm phương tiện đi lại đưa đón con đi học, phục vụ cho sinh hoạt chung của gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Lò Văn S, Nạ Văn H1, Lò Văn N1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm đã phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các bản hỏi cung, biên bản ghi lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 10/7/2024 và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 09/7/2024, Lò Văn S sang Lào để mua bán, trao đổi hàng hóa, đến trưa ngày 10/7/2024, S vào lán nương của Thào É xin cơm ăn, qua trao đổi nói chuyện, S đồng ý đón và chở 05 người có tên là Tòng Thị T1, Lương Thị D, Mè Thị M, Vì Thị Q, Trần Thị Tú N2 từ khu vực biên giới Việt Nam - Lào thuộc bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên về trung tâm xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, thuộc Việt Nam, với tiền công là 500.000 đồng/01 người, hẹn địa điểm giao, nhận người ở khu vực đầu dốc thuộc bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Lò

Văn S đã quay về rủ Nạ Văn H1 và Lò Văn N1 cùng tham gia. Đến khoảng khoảng 18 giờ 10 phút ngày 10/7/2024, khi Lò Văn S đang chở 02 người là Tòng Thị T1, Luồng Thị D; Nạ Văn H1 chở 02 người là Mè Thị M, Vi Thị Q; Lò Văn N1 chở 01 người là Trần Thị Tú N2 đi về trung tâm xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; trên đường S, H1, N1 đi đến khu vực bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Đồn biên phòng P3 phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp, vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt do pháp luật quy định.

[2] Xét về tính chất của vụ án thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của Nhà nước. Lò Văn S đã chở 02 người, Nạ Văn H1 đã chở 02 người; Lò Văn N1 đã chở 01 người từ bên Lào về Việt Nam mà không có các giấy tờ theo quy định của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như hộ chiếu, visa, là trái pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Điện Biên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố, luận tội các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án và hình phạt:

Trong vụ án có ba bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo Lò Văn S là người khởi xướng, các bị cáo Nạ Văn H1, Lò Văn N1 là những người cùng trực tiếp thực hiện hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Do đó cần xem xét đến vai trò của các bị cáo trong vụ án để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về hình phạt đối với các bị cáo:

Về nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi phạm tội và bị bắt, các bị cáo Lò Văn S, Nạ Văn H1, Lò Văn N1 đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo lần đầu tiên phạm tội; do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo S trong quá trình điều tra đã tích cực giúp đỡ các cơ quan chức năng phát hiện tội phạm nên cần áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình phạt và miễn án phí cho các bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Do nghề nghiệp của các bị cáo làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, nếu có áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền thì các bị cáo cũng không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 điện thoại cảm ứng hiệu Redmi 12 màu đen tạm giữ của Lò Văn S; 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Vivo Y3, màu xanh da trời tạm giữ của Nạ Văn H1; 01 điện thoại bàn phím hiệu ITEL ACE màu đen đỏ tạm giữ của Lò Văn N1; do các bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX màu đỏ nâu, biển kiểm soát 27B2-136.86, do bị cáo Lò Văn S sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng xét thấy đây là tài sản chung của hai vợ chồng và là tài sản duy nhất có giá trị để làm phương tiện đi lại chung cho cả gia đình, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại cho vợ bị cáo là Lò Thị H $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy trên.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 27B1-546.83, do bị cáo Nạ Văn H1 sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng xét thấy đây là tài sản chung của hai vợ chồng và là tài sản duy nhất có giá trị để làm phương tiện đi lại chung cho cả gia đình, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại cho vợ bị cáo là Quảng Thị B1 $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy trên.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave α , màu đỏ đen, biển kiểm soát 27B1-442.87, do bị cáo Lò Văn N1 sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng xét thấy đây là tài sản chung của hai vợ chồng và là tài sản duy nhất có giá trị để làm phương tiện đi lại chung cho cả gia đình, nên cần tịch thu sung ngân

sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại cho vợ bị cáo là Nạ Thị P2 $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy trên.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo sinh sống ở vùng cao biên giới, vùng kinh tế - xã hội khó khăn, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn S, Nạ Văn H1, Lò Văn N1.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam của Tòng Thị T1, Lương Thị D, Mè Thị M, Vĩ Thị Q, Trần Thị Tú N2, Đoàn Biên phòng P3 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật là đúng thẩm quyền và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Tòng Thị H2, quá trình điều tra xác định, H2 chỉ nói cho T1 biết việc có 01 trang Facebook giới thiệu việc làm tại Myanmar. Hương xuất, nhập cảnh bằng hộ chiếu theo quy định, H2 không có hành vi tổ chức cho T1 xuất, nhập cảnh trái phép hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người tên Thạo É, quá trình điều tra bị cáo Lò Văn S không biết họ, tên và địa chỉ cụ thể của người này nên không đủ căn cứ để Cơ quan điều tra và thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự cho cơ quan chức năng của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo quy định. Viện kiểm sát không có căn cứ truy tố. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lò Văn S, Nạ Văn H1, Lò Văn N1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

2. Về hình phạt:

+ *Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.* Xử phạt bị cáo **Lò Văn S 12 (mười hai tháng) tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2024.

+ *Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo:*

- Xử phạt bị cáo **Nạ Văn H1 12 (mười hai tháng) tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2024.

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn N1 12 (mười hai tháng) tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2024.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

- ½ giá trị chiếc xe mô tô gắn máy màu đỏ nâu, nhãn hiệu Honda Wave RSX, loại xe: Hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh: 109cm³, năm sản xuất: 2020, số chỗ ngồi: 2; biển kiểm soát 27B2-136.86; đã cũ, đã qua sử dụng; số khung RLHJA3836LY013830, số máy JA52E-0162742.

- ½ giá trị chiếc xe mô tô gắn máy màu đỏ đen, nhãn hiệu Honda Wave RSX, loại xe: Hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh: 109cm³, năm sản xuất: 2017, số chỗ ngồi: 2; Biển kiểm soát 27B1-546.83; đã cũ, đã qua sử dụng; số khung RLHJA3819GY027631, số máy JA38E-0063545.

- ½ giá trị chiếc xe mô tô gắn máy màu đen bạc, nhãn hiệu Honda Wave α , loại xe: Hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh: 97cm³, năm sản xuất: 2016, số chỗ ngồi: 2; Biển kiểm soát 27B1-442.87; đã cũ, đã qua sử dụng; số khung RLHHC1256FY167076, số máy HC12E-7167189.

*** Trả lại cho bị cáo Lò Văn S:** 01 điện thoại cảm ứng hiệu Redmi 12, màu đen, số IMEI 1: 864894060923845; số IMEI 2: 864894060923852; tình trạng cũ, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy.

*** Trả lại cho bị cáo Nạ Văn H1:** 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu Vivo Y3: màu xanh da trời; EMEI 1: 864019072453942; EMEI 2: 864019072453959; tình trạng cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy.

*** Trả lại cho bị cáo Lò Văn N1:** 01 điện thoại bàn phím, hiệu ITEL ACE; màu đen, đỏ, tình trạng cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy.

*** Trả lại cho chị Lò Thị H:** ½ giá trị chiếc xe mô tô gắn máy màu đỏ nâu, nhãn hiệu Honda Wave RSX, loại xe: Hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh 109cm³, năm sản xuất 2020, số chỗ ngồi 2; biển kiểm soát 27B2-136.86; xe đã qua sử dụng; số khung RLHJA3836LY013830, số máy JA52E-0162742.

*** Trả lại cho chị Quàng Thị B1:** ½ giá trị chiếc xe mô tô gắn máy màu đỏ đen, nhãn hiệu Honda Wave RSX, loại xe: Hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh: 109cm³, năm sản xuất 2017, số chỗ ngồi 2; Biển kiểm soát 27B1-546.83; xe đã qua sử dụng; số khung RLHJA3819GY027631, số máy JA38E-0063545.

*** Trả lại cho chị Nạ Thị P2:** ½ giá trị chiếc xe mô tô gắn máy màu đen bạc, nhãn hiệu Honda Wave α , loại xe: Hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh: 97cm³, năm sản xuất: 2016, số chỗ ngồi 2; Biển kiểm soát 27B1-442.87; xe đã qua sử dụng; số khung RLHHC1256FY167076, số máy HC12E-7167189.

(Tình trạng, đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 16/10/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn S, Nạ Văn H1, Lò Văn N1.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/11/2024)./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan ANĐT, Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND Tối cao;
- Phòng Hành chính, Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Phan Văn Khanh